

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

**TRIẾT HỌC, TRIẾT LÝ VÀ MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH
TRONG “SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC”**

Hoàng Chí Bảo¹

¹ Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Nhận ngày 8 tháng 5 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 6 năm 2017.

Tóm tắt: “Sửa đổi lối làm việc” của Hồ Chí Minh không chỉ là một văn kiện quan trọng về lý luận, nhất là lý luận xây dựng Đảng cầm quyền, mà còn là một tổng kết thực tiễn đặc sắc, nhất là thực tiễn lãnh đạo và phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền. Trong văn kiện mang tầm vóc lý luận và thực tiễn lý luận này, đổi mới (sửa đổi) không chỉ là tư tưởng triết học, hướng tới phát triển, mà đổi mới còn là triết lý, từ triết lý nhân sinh đến triết lý hành động. Triết học – triết lý đổi mới này được kết tinh, lắng đọng thành minh triết Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Triết học, triết lý, minh triết, tư tưởng Hồ Chí Minh.

“Sửa đổi lối làm việc” được Hồ Chí Minh viết và hoàn thành vào tháng 10 năm 1947 tại chiến khu Việt Bắc, ở thời điểm mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại nước ta. Đó là một văn kiện quan trọng về lý luận, đặc biệt là lý luận xây dựng Đảng cầm quyền, là một tổng kết thực tiễn đặc sắc, đặc biệt là thực tiễn lãnh đạo và cách thức lãnh đạo của Đảng khi đã ở vị thế cầm quyền. Tác phẩm của Người, với bút danh X.Y.Z đã trở thành tài liệu huấn luyện cán bộ, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tình cảm và trách nhiệm cho đông đảo cán bộ, đảng viên, chấn chỉnh tổ chức, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với dân, tạo sự thống nhất nhận thức, ý chí và hành động trong Đảng, trong dân.

Tất cả đều nhằm vào mục đích “Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành”.

“Sửa đổi lối làm việc” thực sự là một tác phẩm thể hiện tư tưởng đổi mới của Hồ Chí Minh, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền. Có thể nói, đây là tác phẩm đầu tiên nói về đổi mới, mà trước hết phải đổi mới Đảng, gắn liền đổi mới với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo ra động lực thúc đẩy đổi mới xã hội. Ngay tên gọi của tác phẩm đã cho thấy, Người đặt trọng tâm và điểm đột phá vào đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo của Đảng mà Người gọi một cách dung dị là “lối làm việc”. “Lối” được hiểu là phương pháp, phương thức, phong cách lãnh đạo. “Làm việc” tức là hoạt động, mà hoạt động nào cũng gắn liền với chủ thể,

cũng phải kết nối với *tổ chức* (thiết chế, bộ máy), *thể chế* và *con người* thông qua các *mối quan hệ, hoàn cảnh và các điều kiện* bảo đảm thực hiện có kết quả *các giải pháp* vạch ra.

Đổi mới (sửa đổi) là tư tưởng *triết học*, hướng tới phát triển. Với Hồ Chí Minh, đổi mới còn là *triết lý*, từ triết lý nhân sinh đến triết lý hành động. Trực tiếp thể nghiệm, trải nghiệm đổi mới trong những hoàn cảnh đặc biệt, triết học - triết lý đổi mới của Hồ Chí Minh còn kết tinh, lắng đọng thành *minh triết* của Người, thấm nhuần trong toàn bộ tác phẩm, từ chủ đề đến kết cấu và nội dung, đến hệ thống luận điểm mang hình thái lý luận vừa có tính khái quát cao, vừa cụ thể, thiết thực và sinh động, có tác dụng chỉ dẫn “lối làm việc” và ý nghĩa thực hành sự “sửa đổi lối làm việc”.

Một trong những đặc sắc của tư duy triết học là *triết học về phương pháp* với nghĩa là *phương pháp luận*, là lôgic học, từ lôgic hình thức đến lôgic biện chứng. Nhà triết học vĩ đại người Đức - Hêghen đã đánh giá rất cao vai trò và tầm quan trọng của *phương pháp* trong một luận đề nổi tiếng: “Toàn bộ tri thức kết tinh trong lịch sử triết học của mọi thời đại, *xét đến cùng là tri thức về phương pháp*”. Sau này, ở thời hiện đại, viện sĩ, nhà vật lý học Xô viết - L.Đ.Lanđao đã nhận định: “Phương pháp quý hơn phát minh. Nhờ có phương pháp tốt mà có thể có nhiều phát minh mới”.

Triết học về phương pháp chính là một trong những điểm đặc sắc trong tư duy triết học Hồ Chí Minh. Trong “*Sửa đổi lối làm việc*”, Người đặc biệt chú trọng vào phương pháp, vào cách thức hoạt động, vào lối làm việc sao cho đạt tới kết quả. Tổng kết thực

tiễn, tổng kết kinh nghiệm để nâng lên lý luận của Người có giá trị lý luận, phát hiện cái mới chính là nhờ phương pháp rất sáng tạo của Người. Đó là phương pháp khoa học, ở cấp độ lý luận và tư tưởng, ở sự gắn liền lý luận với thực tiễn, vận dụng nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn. Người đặc biệt chú trọng thực hành:

“*Thực hành sinh ra hiểu biết*

Hiểu biết tiến lên lý luận

Lý luận lãnh đạo thực hành”.

Nghiên cứu tư tưởng triết học, triết lý và minh triết của Hồ Chí Minh, chúng ta lưu ý tới những dấu hiệu rất đặc trưng của Người.

- Hồ Chí Minh đồng thời sử dụng cả ba thuật ngữ ở những thời điểm khác nhau: *chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lênin và chủ nghĩa Mác - Lênin*. Người cũng đồng thời sử dụng các khái niệm: *Thực tiễn* (trong tương quan với lý luận), *thực hành* (trong hoạt động, hành động) và *thực tế* (ham thích làm các công việc thực tế).

- Hồ Chí Minh tư duy trên các quan hệ, các lớp quan hệ: Với tự mình, với người, với việc, với tổ chức và đoàn thể. Trong các quan hệ đó, Người quan tâm suốt đời tới quan hệ máu thịt giữa Đảng với Dân, Nước với Dân, Chính phủ với Dân, công chức với công dân. Luôn đặt trong các mối quan hệ, nên tư duy của Người rành mạch, sáng tỏ, vừa nêu yêu cầu chuẩn mực, vừa nhấn mạnh điều kiện thực hiện, vừa tổng kết vừa trải nghiệm.

- Hồ Chí Minh chú trọng thống nhất, hòa hợp, đồng thuận để quy tụ mọi nỗ lực tới đoàn kết, để hành động tốt nhất vì Dân, vì Nước. Song Người luôn thấy rõ những khác biệt, những mâu thuẫn, xử lý chúng trên tinh thần dân chủ, khoan dung, không áp

đặt, không cứng nhắc, phát huy tối đa chữ *đồng*, khắc phục tối đa những *biệt* và *dị biệt*, tạo ra sức mạnh trong hành động.

- Hồ Chí Minh giản dị hóa những sự phức tạp. *Giản dị chứ không giản đơn, không giản lược*. Giản dị là nỗ lực cao nhất của bậc thiên tài. Thấy rõ bản chất, cốt lõi trong từng sự việc, trong việc và người.

- Hồ Chí Minh nhạy bén và tinh tế trong các vấn đề chính trị, xã hội, trong nhìn nhận, đánh giá con người, tìm tòi mọi biện pháp, cách thức để thúc đẩy cái tốt, khắc phục cái xấu, phát hiện cái mới và làm cho cái mới tiến bộ, tích cực được phát triển, ngăn chặn và đẩy lùi cái xấu, cái ác.

Biết tin cậy, biết hy vọng, biết thúc đẩy - đó là phương pháp của Hồ Chí Minh dựa trên mục đích cao quý với ứng xử tinh tế và lối sống cao thượng, bao dung.

- Hồ Chí Minh rất chú trọng sự hài hòa, lý và tình, chung và riêng, cá nhân và cộng đồng, dân tộc và quốc tế. Đó là những đòi hỏi cần thiết cho phát triển, cho hội nhập thông qua cải cách, đổi mới, sáng tạo...

Nói tóm lại, quy chiếu từ các mối quan hệ, từ hoạt động, từ giá trị, *triết học Hồ Chí Minh là triết học của đổi mới, của phát triển*. Đó là *thức tỉnh* và *thúc đẩy* giải phóng, mở đường cho phát triển.

Giải phóng và phát triển, nhìn từ chính trị và tính chính thể, đó là *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* (chứa đựng trong đó *dân chủ*, phát triển dân chủ, thực hành dân chủ...). Đó còn là *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*, hệ giá trị cốt lõi của phát triển.

Đó là *cá nhân và cộng đồng* (xã hội), là *con người và văn hóa*, là *đổi mới và phát triển*. Từ những đặc trưng chủ yếu đó (chủ

yếu chứ chưa phải đầy đủ), có thể nhận thấy, Hồ Chí Minh là *nhà biện chứng thực hành, uyên bác mà không hàn lâm, giản dị mà không tầm thường, thực tiễn cụ thể, sinh động chứ không giáo điều, tư biện*. Cũng không nên quên những biểu hiện vô ngôn rất sâu sắc, thâm thúy của Người, *nhà tư tưởng* với "*triết học vô ngôn*", quỳn thành *triết lý* và tạo thành *minh triết* với tất cả sự thông thái, thông tuệ, mẫn tiệp của Người - Người cộng sản, nhà mácxít hiện đại, đồng thời là người mang *cốt cách hiền triết* phương Đông, đậm *bản sắc Việt Nam*. Nói như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh là hiện thân của giản dị, lão thực, hiền minh với lối sống thanh tao, cao quý.

Vậy, trong "Sửa đổi lối làm việc", triết học Hồ Chí Minh được thể hiện ở những khía cạnh hay vấn đề nào, có những luận điểm nào cho thấy *tinh thần* và *phương pháp* triết học của Người? Người nhuần nhuyễn giữa triết học với triết lý và minh triết.

Là một tác phẩm lý luận chính trị nói về *sự lãnh đạo và cách lãnh đạo* của Đảng trong hoàn cảnh và điều kiện mới (cầm quyền nhưng không công khai vì đã rút vào hoạt động bí mật với sách lược "giải tán", đường hướng và mục tiêu chính trị là vừa kháng chiến vừa kiến quốc, kháng chiến có mau thắng lợi thì kiến quốc mới chóng thành công - tất thắng để tất thành), nên Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đặc biệt tới sự cần thiết phải đổi mới (sửa đổi) chính bản thân Đảng. Người xác định điểm mấu chốt phải sửa đổi là "lối làm việc". Muốn vậy, Đảng phải có tư cách của một Đảng chân chính cách mạng và cán bộ, đảng viên phải thể hiện được tư cách ấy trong hoạt động, trong

quan hệ với quần chúng. Những vấn đề được đề cập trong tác phẩm là đặt ra những yêu cầu và nhiệm vụ mà nội bộ Đảng phải thấm nhuần để tự chỉnh đốn. Đặc biệt quan trọng là *Đảng phải dựa vào dân mà xây dựng, chỉnh đốn từ tổ chức đến con người và hoạt động*.

Vậy là, Hồ Chí Minh, từ tác phẩm này, cho chúng ta cảm nhận *tinh thần và phương pháp triết học chính trị của Người*. Triết học chính trị Hồ Chí Minh lại được thể hiện sinh động thành triết lý chính trị. Chúng ta còn cảm nhận thấy minh triết và minh triết chính trị của Người.

Muốn đổi mới phải nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Có nhận định đúng những yếu kém mới có đủ quyết tâm và dũng khí để sửa chữa.

Do đó, điểm xuất phát là từ thực trạng, thực tế đang diễn ra. Phương hướng và phương pháp đặt ra là phải thực hành sự sửa đổi. Hồ Chí Minh chỉ rõ các chứng bệnh, nhìn nhận nguyên nhân rất toàn diện, xác định cách chữa các chứng bệnh đó. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ đầu sách này, Người đã đặt vấn đề “phê bình và sửa chữa”, từ tổng kết thực tiễn, rút ra “mấy điều kinh nghiệm”. Tác phẩm đã trực tiếp nói tới lý luận và đòi hỏi phải *thực hành lý luận trong thực tiễn*, gắn chặt lý luận với thực tiễn. Để thực hiện được những yêu cầu ấy, điều quan trọng trước hết là Đảng và cán bộ, đảng viên phải có tư cách và đạo đức cách mạng.

“Mười hai điều xây dựng Đảng chân chính cách mạng” là tập trung tiêu biểu nhất, được trình bày một cách có hệ thống *lý luận về Đảng cầm quyền*.

Khoa học, dân chủ, đạo đức là những điểm nhấn về sự lãnh đạo, cách lãnh đạo của Đảng.

Quan hệ giữa Đảng với dân là quan hệ bao trùm, xuyên suốt trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong “sửa đổi lối làm việc” của từng tổ chức, từng con người.

“Vấn đề cán bộ” và “cách lãnh đạo” được xem là một trong những huyết mạch quyết định chất lượng, hiệu quả công tác của Đảng, đó là sự cụ thể hóa “tư cách và đạo đức cách mạng” của Đảng và mỗi đảng viên, là những trọng yếu trong xây dựng Đảng. Kết cấu lôgic như vậy đã cho thấy rõ mục đích và những trù tính thực hiện của Hồ Chí Minh.

Nói một cách dung dị, viết sách này, Hồ Chí Minh muốn chỉ ra các bệnh và xác định rõ cách chữa các bệnh ấy trong Đảng. Đây là giá trị, ý nghĩa, là tính thời sự của tác phẩm đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

Mở đầu tác phẩm, Hồ Chí Minh chỉ rõ ba căn bệnh lớn: *Bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi và bệnh ba hoa*. Đó là những bệnh rất có hại phải sửa chữa từ *tư tưởng đến các quan hệ* và trong cách nghĩ, cách nói, cách viết của cán bộ. Mọi bệnh tật lớn đó đề ra bao nhiêu bệnh tật khác, từ gốc rễ đến các phái sinh, suy đến cùng, đều từ *yếu kém lý luận nhưng lại coi khinh lý luận*, không biết cách học và dùng lý luận cho đúng, bị hăm vào chủ nghĩa kinh nghiệm dung tục, tầm thường, thiên cận. Các bệnh đó còn do *yếu kém về đạo đức* mà ra. Sâu xa là chủ nghĩa cá nhân, không đủ dũng khí để vượt lên, để đánh bại “giặc nội xâm” ẩn nấp ngay trong lòng mỗi người.

Việc Hồ Chí Minh dành cả một phần ở cuối sách để tập trung nói về “bệnh ba hoa” và “cách chữa bệnh ba hoa” cũng cho thấy *tinh thực tiễn trong tư duy và hành động của Người*. Cách sắp đặt trật tự nội dung và hình thức trình bày như vậy còn cho thấy sự tinh tế của Người khi biểu đạt một tư tưởng, nêu rõ một chủ kiến. Ai nấy đều biết công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục quần chúng là rất cần thiết và quan trọng. Song cách nói, cách viết, cách trình bày sao cho đi vào lòng người, để mọi người *hiểu và tin*, từ *niềm tin* mà dẫn tới *hành động* đòi hỏi phải thiết thực, giản dị mà sâu sắc. Thói ba hoa, bệnh ba hoa của không ít cán bộ tuyên truyền mắc phải đã cản trở việc thực hiện mục đích đó, có hại cho phong trào, tổn hại đến uy tín về tư tưởng của Đảng. Người phê phán căn bệnh ấy, làm rõ nguyên nhân và đề nghị cách sửa chữa.

Hồ Chí Minh đem lại những kiến giải sâu sắc về lý luận, đòi hỏi mỗi người phải ra sức học tập, thực hành, tự mình phải đặt quyết tâm sửa chữa bằng được những yếu kém đó. “Nguyên nhân của bệnh chủ quan là kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông” [1, tr.273].

“Phải hiểu lý luận là gì? Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính” [1, tr.273].

“Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” [1, tr.273]. Vì kém lý luận cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Hồ Chí Minh giải thích đó là *chứng kém lý*

luận do chỉ thấy kinh nghiệm, chỉ thiên về kinh nghiệm. Một khi tuyệt đối hóa kinh nghiệm sẽ rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm, thiếu lý luận và mắc vào chứng bệnh coi khinh lý luận. Người như thế, giống như “một mắt sáng một mắt mờ”. Không phải cứ xem sách và xem nhiều sách là đã biết lý luận.

Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng được vào thực tế là *lý luận suông*... Còn nếu xem nhiều sách *để mà lờ*, để làm ra *ta đây*, thế không phải là biết lý luận [Xem:1, tr.274-275].

Qua cách diễn giải, trình bày của Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rõ điều sâu sắc ẩn giữa những dòng chữ của Người: Muốn đạt tới lý luận phải có quan điểm thực tiễn, từ thực tiễn mà tìm ra lý luận, lại dùng thực tiễn để kiểm chứng lý luận.

Muốn có lý luận phải học, phải đọc sách. Có tri thức còn phải có phương pháp. Có tri thức và phương pháp cũng chưa đủ. Phải có đức khiêm tốn, trung thực, nhất là đối với trí thức.

Trong “Sửa đổi lối làm việc”, Hồ Chí Minh phê phán rất nghiêm khắc bệnh hẹp hòi, một chứng bệnh rất nguy hiểm mà nhiều cán bộ, đảng viên còn mắc phải. Theo Người, bệnh hẹp hòi ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết, phá hoại sự đoàn kết toàn dân. Từ bệnh hẹp hòi mà sinh ra nhiều thứ bệnh khác, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, đèm người giỏi, bệnh hủ hóa... đều do bệnh hẹp hòi mà ra [Xem: 1, tr.276].

Trong Đảng, những cán bộ, đảng viên mắc phải bệnh này, họ đã quên hẳn cái chế độ dân chủ tập trung, *phải kiên quyết chữa*

ngay bệnh ấy, mỗi một đảng viên, mỗi một bộ phận, mỗi một lời nói, việc làm tuyệt đối phải nhằm vào lợi ích của toàn cuộc, lợi ích của toàn Đảng [Xem: 1, tr.276].

Cán bộ phụ trách một bộ phận nào, vì ham danh vọng và địa vị nên họ thường lôi người này, kéo người khác, ưa ai thì kéo vào, không ưa thì tìm cách đẩy ra, chỉ biết có mình, bộ phận mình mà quên cả Đảng [Xem: 1, tr.276]. *Bệnh địa phương phải tẩy cho sạch*. Từ trước đến nay, vì bệnh hẹp hòi mà sinh ra những sự lung củng giữa bộ phận với toàn cuộc, đảng viên với Đảng, cán bộ địa phương và cán bộ phái đến. Vậy từ nay, chúng ta *phải tẩy cho sạch* cái bệnh nguy hiểm đó, *làm cho toàn Đảng hoàn toàn nhất trí, hoàn toàn đoàn kết* [Xem: 1, tr.277-278].

Hồ Chí Minh còn nói tới biểu hiện của bệnh hẹp hòi, đó là *bệnh hẹp hòi đối ngoại*, tự tôn tự đại, khinh rẻ người ta, không muốn biết, muốn học những ưu điểm của người khác, biết được vài câu lý luận đã cho mình là giỏi, không xem ai ra gì, tưởng mình là hơn hết. Đó là *bệnh hẹp hòi hạng nặng* [Xem: 1, tr.278].

Những điểm Hồ Chí Minh vạch ra trên đây như những nét vẽ, nét khắc nhận diện từ ý nghĩ đến hành vi, thói hư, tật xấu của những cán bộ nắm chức quyền nhưng xa lạ với đạo đức, nhân cách của người cách mạng. Từ đó, Người rút ra một kết luận quan trọng mang ý nghĩa thức tỉnh, cảnh báo: “Chỉ đoàn kết trong Đảng, cách mạng cũng không thành công được, còn phải đoàn kết toàn dân nữa, đoàn kết nhân dân cả nước... Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết” [1, tr.278]. Cho nên ta cần phải hợp tác với

những người ngoài Đảng, không được khinh rẻ họ, chê bai họ.

Từ kết luận đó, Hồ Chí Minh khái quát và nâng cao lên, làm thành *một kết luận mới* có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với cán bộ, đảng viên về quan điểm quần chúng, quan điểm nhân dân. Đó là, phải liên lạc mật thiết với dân chúng, không được rời xa dân chúng. Rời xa dân chúng là cô độc. Cô độc thì nhất định *thất bại* [Xem: 1, tr.278]. Phải kiên quyết chữa cái bệnh hẹp hòi đó để thực hành *chính sách đại đoàn kết* [Xem: 1, tr.278].

Bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi, mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra, phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó [Xem: 1, tr.278-279].

Hồ Chí Minh đề ra cách chữa, phải *tự phê bình ráo riết* và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật mà *ráo riết phê bình đồng chí mình* [Xem: 1, tr.278-279]. Sau 70 năm, giờ đây đọc lại những trang viết này của Người, chúng ta vẫn còn thấy tính thời sự nóng hổi như vẫn đang diễn ra, đang phải ra sức “phê bình và sửa chữa”, phải thực sự chỉnh đốn lại Đảng.

Những kết luận đó của Hồ Chí Minh thể hiện rất rõ tinh thần của *triết lý chính trị, triết lý nhân sinh đạo đức trong chính trị* và nhất là, từ đó toát lên *tính minh triết sáng suốt* của Người.

Mục II với tiêu đề “Mấy điều kinh nghiệm” thực sự là *một tổng kết lớn*, được trình bày cô đọng trong một dung lượng nhỏ, tập trung vào sáu điểm: “Có cán bộ tốt việc gì cũng xong”, “chính sách thì đúng, cách làm

thì sai”, “không biết nghiên cứu kinh nghiệm đến gốc”, “phải nâng cao sáng kiến và lòng hăng hái”, “vì ai làm, đôi ai phụ trách”, “sát quần chúng, hợp quần chúng” [Xem: 1, tr.280-288]. Nổi bật ở phần này, với yêu cầu tổng kết thực tiễn để kiểm chứng lý luận và phát triển lý luận, Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta những bài học thiết thực, bổ ích, nâng cao tư tưởng và nhận thức, gợi mở phương pháp và thực hành các phương pháp tư tưởng, đồng thời nhấn mạnh vào những mắt khâu xung yếu: *Dân chủ*, đặc biệt là dân chủ trong Đảng, *cán bộ và chính sách, tác phong và phong cách quần chúng*.

Tổng kết là đánh giá, phát hiện tình huống, rút ra kinh nghiệm và kết luận. Hồ Chí Minh đã từ chỗ đứng của lý luận mà tổng kết, kinh nghiệm được lý luận hóa chứ không dừng lại ở kinh nghiệm, càng không rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm.

Gợi mở triết học của Hồ Chí Minh trong tổng kết thực tiễn bao hàm cả quan điểm thực tiễn, cả phương pháp khoa học, từ thực tiễn chứ không chủ quan, giáo điều, tư biện (trong ví dụ về xây dựng một làng kiểu mẫu mà Người phê bình là đã không quan tâm tới việc trước hết là “đào tạo ra *những người kiểu mẫu*”... lại làm ngược lại, “nghĩ ra một làng, một đội kiểu mẫu *trong tư tưởng* mà không bắt đầu từ một làng, một đội sẵn có”, cho nên “kế hoạch không ăn khớp với những hoàn cảnh thiết thực (khách quan)” [1, tr.281].

Suy nghĩ, nghiên cứu cụ thể từ người, từ việc, từ hoàn cảnh, *Hồ Chí Minh đã đúc kết thành những luận đề có tính triết lý* sâu sắc: “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém... Bất kỳ việc gì,

chúng ta cũng phải bắt đầu từ gốc, dần dần đến ngọn, từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, chớ nên tham mau, tham nhiều trong một lúc” [1, tr.282].

Một trong những thuộc tính nổi bật làm nên *một tư tưởng minh triết, một hành động minh triết* ở một *con người minh triết* (đó là con người Hồ Chí Minh) là ở *sự trải nghiệm*, là *trải nghiệm sinh trực tiếp*, đem lại một cảm nhận thực tế về đức thông tuệ, mẫn tiệp (trí tuệ), về *sự giác ngộ*, thấu nhận một bài học về chân lý, đạo lý và phép ứng xử. Minh triết Hồ Chí Minh có thể nhận ra qua những luận đề, quan niệm của Người. *Đặc sắc nhất là minh triết của Người về cán bộ, về dân chủ và thực hành dân chủ*.

- “Dùng cán bộ không đúng tài năng của họ cũng là một cơ thất bại” [1, tr.283].

- “Công việc gì bất kỳ thành công hay thất bại, chúng ta cần phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tách thật rõ ràng rồi kết luận.

Kết luận đó là cái chìa khóa phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới. Có như thế *người mới có tài, tài mới có dụng*” [1, tr.283].

- “Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ, quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lặt vặt cũng tự sửa chữa được nhiều” [1, tr.284].

- “Ta phải biết cách *phê bình* sáng suốt, khôn khéo, như chiếu tấm gương cho mọi người soi thấu những khuyết điểm của mình để tự mình sửa chữa” [1, tr.284].

- “Đối với những bọn vu vơ, đầu cơ thì phạt rất đáng. Nhưng với những cán bộ trung thành mà bị phạt, thì Chính phủ và Đảng cũng khổ tâm, mà người bị phạt cũng khổ tâm” [1, tr.286]. Đây là *minh triết của thấu hiểu và thấu cảm* của Hồ Chí Minh.

Quy tụ những chỉ dẫn triết học, triết lý và minh triết đó, Hồ Chí Minh nói tới *quan điểm và phương pháp lãnh đạo sao cho hợp với lòng dân*.

Đây là kết luận mà Hồ Chí Minh rút ra từ tất cả những công việc, quan hệ, hoạt động, tổ chức và phép ứng xử xoay quanh mục đích phục vụ nhân dân.

“Từ trong quần chúng ra. Về sâu trong quần chúng”.

“Bất cứ việc to, việc nhỏ, chúng ta phải xét rõ, và làm cho hợp với *trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng*. Do đó mà *định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế mới kéo được quần chúng*” [1, tr.288].

Trong kết luận mang tính tổng hợp này, chúng ta thấy rõ *tính biện chứng thực hành của Hồ Chí Minh. Triết học của Người là triết học thực tiễn nên nổi bật thành triết học phương pháp. Triết lý của Người là triết lý vì dân nên tin dân, nêu cao dân chủ. Bởi thế minh triết Hồ Chí Minh nổi bật ở minh triết đạo đức, văn hóa đạo đức, thẩm nhân tính nhân văn cao cả*.

Trong phần III của “Sửa đổi lối làm việc”, Hồ Chí Minh tập trung làm rõ “*tu cách của Đảng chân chính cách mạng*” với mười hai điều, bao quát toàn diện cả tổ chức và hoạt động của Đảng, cán bộ, đảng viên và quan hệ giữa Đảng với quần chúng,

nguyên tắc, phương pháp lãnh đạo và kỷ luật trong Đảng cần phải thi hành.

Chỉ với mười hai điều ngắn gọn, với 456 từ mà Hồ Chí Minh đã nêu ra một hệ thống lý luận khoa học và cách mạng về bản chất, mục đích của Đảng, về nhân cách đảng viên, về khoa học và nghệ thuật chính trị trong lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, nhất là *phải dựa vào dân mà xây dựng, chinh đốn Đảng về mọi mặt*.

Tư duy triết học thể hiện rõ qua việc trình bày các mối quan hệ Đảng với Dân, tổ chức Đảng với đảng viên, tư tưởng và hành động, cũng như đường lối, nghị quyết, chính sách đề ra và tổ chức thực hiện, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh và đổi mới.

Đây là lý luận cốt yếu về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, và cũng là một vấn đề trọng yếu nhất về lý luận, về chính trị trong tác phẩm.

Từ chính trị của Đảng, Hồ Chí Minh bàn đến đạo đức cách mạng, phận sự (trách nhiệm) của cán bộ, đảng viên với Đảng, những phẩm chất cần rèn luyện, tu dưỡng để trở nên *người cách mạng chân chính* với Nhân - Nghĩa - Trí - Dũng - Liêm [Xem: 1, tr.289-292].

Bàn đến “các hạng đảng viên” và cách ứng xử, đối đãi với họ là bàn đến những khác biệt, chênh lệch, cả những khuyết điểm, sai lầm, những chứng bệnh trong con người đảng viên và trong các tổ chức Đảng. Phân tích rõ những căn nguyên dẫn đến khuyết điểm, sai lầm ấy, điều quan trọng mà Hồ Chí Minh chỉ ra là hoàn cảnh lịch sử, điều kiện xã hội mà ở đó, Đảng ra đời. *Đảng ở trong xã hội*, Đảng cũng chịu những ảnh hưởng, những tác động tiêu

cực, những tàn tích quá khứ xâm nhập vào. Để xây dựng, chỉnh đốn Đảng cho tốt nhất, Đảng phải có dũng khí *thừa nhận khuyết điểm, sai lầm và can đảm* sửa chữa, nếu che giấu thì sẽ là một Đảng hòng” [Xem: 1, tr.301].

Phải chú trọng giáo dục tư cách đảng viên và rèn luyện tính Đảng. Mấu chốt của vấn đề là cán bộ, đó là “cái gốc của mọi công việc” và “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” [1, tr.309].

Tác phẩm còn trình bày rõ ràng, thiết thực về *cách lãnh đạo của Đảng và phải sửa đổi cách lãnh đạo như thế nào* cho phù hợp với tình hình mới, nhiệm vụ mới, yêu cầu mới. Triết lý nổi bật ở đây lại là *triết lý đạo đức trong chính trị*.

Những luận đề minh triết ở các phần III (Tư cách và đạo đức cách mạng), IV (Vấn đề cán bộ), V (Cách lãnh đạo) và VI (Chữa bệnh ba hoa) cũng hết sức nổi bật, nhất là minh triết đạo đức và phép dùng người, lối ứng xử.

Ví dụ:

- “Mỗi công việc của Đảng phải giữ vững tính cách mạng của nó, lại phải *khéo dùng cách thức thi hành cho hoạt bát*” [1, tr.289].

- “Cũng giống như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [1, tr.292].

- “*Không ai bắt buộc ai vào Đảng làm chiến sỹ tiên phong*. Đó là lòng tự giác, lòng hăng hái của mỗi người mà tình nguyện là đảng viên, làm chiến sỹ tiên phong. Đã vậy thì mỗi người đảng viên

phải cố gắng cho xứng đáng là *một người trong những người đại biểu* của dân tộc” [1, tr.293].

- “Đối với những người không chịu nổi khó nhọc, không chịu nổi kỷ luật nghiêm khắc mà xin ra khỏi Đảng thì *Đảng vẫn bằng lòng* để họ ra. Đảng chỉ yêu cầu một điều là: họ thề không lộ bí mật của Đảng, không phản Đảng, không phá hoại Đảng. Như thế thì Đảng vẫn giữ cảm tình thân thiện với họ” [1, tr.294].

- “Phải có *tinh thần rộng rãi* mới có thể gần gũi những người mà mình không ưa”. Phải có *độ lượng vĩ đại* thì mới có thể đối với cán bộ một cách chí công vô tư, không có thành kiến, khiến cho cán bộ khỏi bị bỏ rơi”. “*Phải sáng suốt* mới khỏi bị bộn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt” [1, tr.319]...

“Sửa đổi lối làm việc” là tác phẩm lý luận có hệ thống thể hiện rõ quan điểm, tư tưởng, phương pháp đổi mới, bắt đầu từ đổi mới “lối làm việc”, tức là phương pháp, cách thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, lấy đó là mắt xích xung yếu trong chính trị. Tác phẩm đặt nền móng cho lý luận đổi mới và phát triển ở thời kỳ hiện đại ngày nay.

Tinh thần và phương pháp triết học được kết hợp tự nhiên, nhuần nhuyễn với triết lý và toát lên minh triết Hồ Chí Minh về cách mạng, về Đảng chân chính cách mạng, về khoa học và đạo đức trong chính trị, còn mãi giá trị đến ngày nay, nhất là trong đổi mới, xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Tài liệu tham khảo

[1] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.5 (bộ gồm 15 tập), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.